

Số: /BC-UBND

Đức Phổ, ngày tháng 7 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Kế hoạch số 83-KH/TU ngày 26/01/2022 của Tỉnh ủy

Thực hiện Công văn số 1126/SKHĐT-TH ngày 01/7/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi về việc báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch số 83-KH/TU ngày 26/01/2022 của Tỉnh ủy, UBND thị xã Đức Phổ báo cáo kết quả thực hiện như sau:

1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao tại Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 27/11/2020 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX và Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 20/01/2021 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 27/11/2020 của Tỉnh ủy

Trên cơ sở Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 27/11/2020 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX và Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 20/01/2021 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 27/11/2020 của Tỉnh ủy, UBND thị xã Đức Phổ đã phối hợp với các sở, ngành tỉnh được giao chủ trì tham mưu các nhiệm vụ được giao tại Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 27/11/2020 của Tỉnh ủy và Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 20/01/2021 của UBND tỉnh. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Thị uỷ ban hành Chương trình hành động số 08-CTr/TU ngày 25/3/2021 thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX. Chỉ đạo các phòng ban, đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện hiệu quả các nội dung đề ra trong Chương trình hành động số 08-CTr/TU ngày 25/3/2021 của Thị uỷ.

2. Kết quả thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 và các Kết luận phát triển kinh tế - xã hội hằng năm của Tỉnh ủy

Trên cơ sở Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 của Trung ương, của tỉnh, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thị xã lần thứ XXI và Nghị quyết của HĐND thị xã về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, UBND thị xã đã ban hành Quyết định số 14354/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025. Căn cứ các Kết luận của Tỉnh uỷ, Thị uỷ, Nghị quyết của HĐND tỉnh, HĐND thị xã, Quyết định của UBND tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm, UBND thị xã đã ban hành Quyết định về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm, Quyết định về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm. Quán triệt và

chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị, địa phương tập trung thực hiện hiệu quả, chất lượng và toàn diện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội hằng năm của thị xã theo đúng phương châm hành động của Chính phủ và mục tiêu tổng quát của UBND tỉnh, Thị ủy đã đề ra.

Qua 4 năm thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thị xã đạt được nhiều kết quả tích cực. Trong 21 chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu 5 năm 2021-2025, dự kiến có 18 chỉ tiêu đạt (*trong đó, có 07 chỉ tiêu vượt gồm: (1) Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn, (2) Giá trị sản xuất bình quân đầu người, (3) Sản lượng thủy sản, (4) Tỷ lệ hộ nghèo, (5) Tỷ lệ bảo hiểm y tế toàn dân, (6) Tỷ lệ hộ gia đình, thôn, tổ dân phố, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hoá, (7) Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước hợp vệ sinh*) và 03 chỉ tiêu không đạt (*gồm: (1) Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất, (2) Hàng năm, thu ngân sách nhà nước trên địa bàn cao hơn từ 5% - 7% so với chỉ tiêu tỉnh giao, (3) Giao quân hằng năm đạt chỉ tiêu tỉnh giao*) so với chỉ tiêu Nghị quyết số 82/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 của Hội đồng nhân dân thị xã Đức Phổ về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025 của thị xã Đức Phổ.

(Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu 5 năm 2021 - 2025 có Phụ lục kèm theo).

3. Kết quả nghiên cứu, đề xuất với Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến các lĩnh vực quy hoạch, đầu tư công, xây dựng, đất đai, tài nguyên, ngân sách... để phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực và tạo sự thống nhất, khả thi, hiệu quả trong tổ chức thực hiện: Không có.

UBND thị xã Đức Phổ kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- CT, PCT UBND thị xã;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã;
- VP HĐND và UBND thị xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Bùi Văn Lý

PHỤ LỤC
Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu 5 năm 2021 - 2025
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /7/2024 của UBND thị xã)

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	Đơn vị tính	Kế hoạch 2021-2025 ¹	TH 2021	TH 2022	TH 2023	ƯỚC TH 2024	Ước TH 2021-2024	So sánh TH 2021-2024/KH 2021-2025 (%)	Dự kiến KH 2025	Dự kiến TH 2021-2025	So sánh TH 2021-2025/KH 2021-2025 (%)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=9/4	11	12	13=12/4	14
A	Về kinh tế												
1	Tốc độ tăng trưởng kinh tế	%	10 -12	3,10	8,67	10,74	8,06	7,6	(3,9) - (1,9)	10 -12,5	8,1	(3,9) - (1,9)	Khả năng không đạt
2	Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn	Tỷ đồng	35.000	6.320	7.300	9.400	8.700	31.720	90,6	8.500	40.220	114,9	Khả năng vượt
3	Thu ngân sách trên địa bàn hàng năm	%	>5-7	(20,41)	40,09	34,9	19,0	18,4	11,4 - 13,4	7	16,1	9,1 - 11,1	Không đạt
Đến năm			2025					2024			2025		
4	Cơ cấu kinh tế												
	+ Nông - lâm - ngư nghiệp	%	10	14,4	13,2	12,18	11,47	11,47	1,47	10-11	10	0	Khả năng đạt
	+ Công nghiệp - Xây dựng	%	45	47,4	48,2	49,46	48,67	48,67	3,67	89-90	90	0	Khả năng đạt
	+ Thương mại - Dịch vụ	%	45	38,2	38,6	38,36	39,86	39,86	(5,14)				Khả năng đạt
5	Giá trị sản xuất bình quân	Triệu	200	217	236	261	281	281	140,5	290	290	145	Vượt

¹ Nghị quyết số 82/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 của Hội đồng nhân dân thị xã Đức Phổ về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025 của thị xã Đức Phổ.

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	Đơn vị tính	Kế hoạch 2021-2025 ¹	TH 2021	TH 2022	TH 2023	ƯỚC TH 2024	Ước TH 2021-2024	So sánh TH 2021-2024/KH 2021-2025 (%)	Dự kiến KH 2025	Dự kiến TH 2021-2025	So sánh TH 2021-2025/KH 2021-2025 (%)	Ghi chú
	+ Hộ gia đình	%	85 - 90	93	93	95	92	92	2,0 - 7,0	92	92	2,0 - 7,0	Vượt
	+ Thôn, tổ dân phố	%	85 - 90	94	99	99	95	95	5 - 10	92	95	5 - 10	Vượt
	+ Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp	%	90 - 95	93	92	92,6	90	90	(5) - 0	92	92	2,0 - (3)	Đạt
C	Về môi trường												
15	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	95	95	95	95	95	99	104	99	99	104	Vượt
16	Tỷ lệ chất thải rắn thông thường được thu gom và xử lý	%	85	85	85	85	85	85	100	85	85	100	Đạt
17	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom và xử lý	%	90	90	90	90	90	90	100	90	90	100	Đạt
18	Tỷ lệ chất thải y tế được thu gom và xử lý	%	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	Đạt
D	Về quốc phòng, an ninh												
19	Tỷ lệ xã, phường vững mạnh về quốc phòng - an ninh	%	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	Đạt
20	Tỷ lệ xã, phường vững mạnh toàn diện	%	>73	73,3	73,3	73,3	73,3	73,3	100	73,3	73,3	100	Đạt
21	Giao quân hằng năm đạt chỉ tiêu tỉnh giao	%	100	97,1	100	100,6	100	99,4	(0,6)	100	99,54	(0,46)	Không đạt